

Bản án số: 11/2020/HS-ST  
Ngày 13 – 5 – 2020.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Lưu Th

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Giang  
2. Ông Vũ Văn Hoàn

**- Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:** Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 01/4/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Đức Th**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 21/02/1988; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ X, phường CH, Thành phố TN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nông Đức Đ (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Chưa có vợ con. Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Tại bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã xử phạt Nông Đức Th 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp có giá trị 2.500.000đ đã trả cho bị hại) bị cáo đã nộp xong án phí ngày 17/4/2018.

+ Tại bản án số 235/2017/HSST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân Th phố Thái Nguyên đã xử phạt Nông Đức Th 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp có giá trị 161.000đ); tổng hợp hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 buộc Th chấp hành hình phạt chung cả 2 bản án là 27 tháng tù. (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2019. Án phí nộp xong ngày 17/4/2018).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: + Năm 2011 bị Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xử phạt 39 tháng tù về tội “ Mua bán, chế tạo, sản xuất trái phép vũ khí vật liệu nổ” và tội “ Hủy hoại tài sản”.

+ Ngày 31/01/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thái Nguyên khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hiện bị cáo Th đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong vụ án khác. Có mặt.

- **Người bị hại:** Anh Hà Văn H, sinh năm 1998 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn BC, xã KL, huyện NR, tỉnh BK.

- **Những người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1986 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm LP, xã CL, huyện PL, tỉnh TN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 21/12/2019, Nông Đức Th điều khiển xe mô tô (không nhớ biển kiểm soát do Th mượn của bạn tên là H, không biết nhà và địa chỉ ở đâu.) đi một mình đến gara ô tô của nhà anh Hoàng Văn T ở xóm Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN với mục đích trộm cắp tài sản. Th vào xưởng trong gara thấy có anh Hoàng Văn Th và anh Hà Văn H đang sửa chữa ô tô nên Th hỏi “*ở đây có ai bán xe không ?*”. Anh Th nói với Th và chỉ vào gắp chủ gara. Lúc đó anh Hoàng Văn T đi từ trong phòng ra nghĩ Th đến hỏi sửa xe ô tô nên anh T mời Th ngồi vào bàn uống nước nói chuyện. Th quan sát thấy trên bàn uống nước có 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S nên Th lấy mũ bảo hộ lao động đang đội trên đầu Th úp đè lên điện thoại để trên bàn rồi đứng dậy nhìn ngó xung quanh xưởng. Lợi dụng lúc có khách đến giao dịch và anh T không để ý nên Th lấy mũ bảo hộ lao động đội lên đầu, đồng thời lén lút dùng tay phải lấy điện thoại di động ở trên bàn đút vào túi áo khoác bên phải Th đang mặc rồi lên xe mô tô đi đến khu vực cầu GB, thuộc xã ĐB, Thành phố TN bán điện thoại cho một người không quen biết được 600.000đ. Số tiền này Th đã ăn tiêu hết.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, anh H có đơn trình báo gửi Công an xã Hóa Thượng để giải quyết. Sau khi tiếp nhận đơn và hồ sơ do công an xã Hóa Thượng chuyển đến, Căn cứ tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ khẳng định hồi hồi 15 giờ 23 phút ngày 21/12/2019 tại gara ô tô nhà anh Hoàng Văn T ở xóm Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, bị cáo Nông Đức Th đã có

hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S của anh Hà Văn H mang đi đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Tại bản Kết luận số 40/ĐGTSHS ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ kết luận: 01 chiếc điện thoại IPHONE 6S, cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 21/12/2019 là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Tại cơ quan điều tra, và tại phiên tòa, Nông Đức Th khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên: Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, lời khai người bị hại, lời khai của những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: Sau khi chiếm đoạt, bị cáo đã bán chiếc điện thoại IPHONE 6S cho một người không quen biết nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSĐH, ngày 24/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nông Đức Th về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Đức Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584 BLDS buộc bị cáo bồi thường cho anh Hà Văn H giá trị chiếc điện thoại IPHONE 6S, cũ đã qua sử dụng giá trị còn lại là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng)

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin được H mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hồi 15 giờ 23 phút ngày 21/12/2019, tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Hoàng Văn T ở xóm Xóm ST, xã HT, huyện ĐH, Nông Đức Th đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại IPHONE 6S cũ của anh Hà Văn H có giá trị

là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) rồi mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố để xét xử bị cáo Th về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

***“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”***

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã ba lần bị xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản”; “Mua bán, chế tạo, sản xuất vũ khí vật liệu nổ” và tội “Hủy hoại tài sản”. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã Th khẩn khai báo, nên được H 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, buộc cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của anh H, bị cáo đã bán chiếc điện thoại IPHONE 6S cho một người không quen biết nên không thu hồi được. Tại phiên tòa hôm nay anh Hà Văn H vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh đề nghị bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần buộc bị cáo bồi thường cho anh Hà Văn H giá trị chiếc điện thoại IPHONE 6S, cũ đã qua sử dụng theo giá trị định giá là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về hình phạt cũng như các vấn đề khác là có căn cứ phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

**Tuyên bố:** Bị cáo Nông Đức Th phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Nông Đức Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; Điều 357, Điều 468 BLDS:

Buộc bị cáo Nông Đức Th bồi thường cho anh Hà Văn H giá trị chiếc điện thoại IPHONE 6S, cũ là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trò hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng có thể thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nông Đức Th phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường CH, TP TN;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Lưu Th**